NHỮNG NÉT ĐẶC SẮC TRONG NGHỆ THUẬT TRANG TRÍ TẠI THẠCH MỘ TƯ THÔNG LĂNG - HUẾ

Nguyễn Thị Trang Ngà
Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung Ương
Email: trangnga75@gmail.com

/Ngày nhận bài: **14/03/2025** /Ngày nhận bài sửa sau phản biện: **25/03/2025** /Ngày chấp nhận đăng: **18/04/2025**

TÓM TẮT

Tư Thông lăng là nơi chôn cất hoàng hậu Dương Thị Thục (Tiên Cung), vợ vua Đồng Khánh. Tại đây với hệ thống trang trí chạm khắc trên đá, nề đắp nổi với nhiều đề tài và kiểu thức trang trí đặc sắc đã góp phần làm nên giá trị nghệ thuật cho ngôi lăng này. Đặc biệt trong đó có những đề tài và kiểu thức trang trí trên thạch mộ (mộ đá) không có ở những lăng tẩm khác của thời Nguyễn, với những kỹ năng chạm đá công phu, tinh xảo. Bài viết tập trung nói về những giá trị tạo hình trang trí đặc sắc, độc đáo này ở thạch mộ và hướng đến việc vận dụng trong giảng dạy ghi chép vốn cổ dân tộc cho sinh viên.

Từ khóa: *Chạm khắc đá, Tiên Cung, Tư Thông lăng, Vạn Vạn*

ISTINCTIVE FEATURES IN THE DECORATIVE ART OF STONE TOMBS AT TƯ THÔNG MAUSOLEUM IN HUE

ABSTRACT

Tư Thông Mausoleum is the burial site of Empress Dương Thị Thục (Tiên Cung), wife of Emperor Đồng Khánh. The decorative system of stone carvings and relief plasterwork, featuring a variety of unique motifs and designs, significantly contributes to the artistic value of this mausoleum. Particularly noteworthy are the motifs and decorative styles on the stone tombs, which are not found in other mausoleums of the Nguyễn Dynasty. These elements display elaborate and intricate stone carving techniques. This article focuses on the distinctive and unique decorative features of the stone tombs and explores their potential application in teaching traditional Vietnamese heritage recording to students.

Keywords: *Stone carving, Tiên Cung, Tư Thông Mausoleum, Vạn Vạn*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Huế - Cố đô của Việt Nam - không chỉ nổi tiếng với hệ thống kiến trúc cung đình của các vị vua triều Nguyễn mà còn là nơi lưu giữ nhiều lăng mộ của các hoàng hậu và cung tần, với giá trị nghệ thuật và văn hóa đặc sắc. Trong số đó, Tư Thông lăng (còn gọi là lăng Vạn Vạn) - nơi an nghỉ của Đức Tiên Cung Dương Thị Thục, vợ vua Đồng Khánh - là một di tích quan trọng nhưng vẫn còn ít được khai thác về mặt nghiên cứu mỹ thuật, đặc biệt là nghệ thuật trang trí trên thạch mộ.

Với vị trí đặc biệt trong dòng lịch sử triều Nguyễn, Tư Thông lăng không chỉ mang ý nghĩa tâm linh mà còn là một biểu tượng văn hóa giàu tính nghệ thuật. Thạch mộ tại đây được chế tác công phu, thể hiện trình độ chạm khắc đá tinh xảo với các đề tài trang trí độc đáo như hình tượng "trúc thử" (chuột chui ống trúc), "tiêu tượng" (voi và cây chuối), sen hóa rùa, các loài hoa, trái cây quý, chim phượng... Các yếu tố này không chỉ mang tính thẩm mỹ cao mà còn chứa đựng giá trị biểu tượng sâu sắc, phản ánh tư tưởng văn hóa, tín ngưỡng và triết lý sống của người xưa.

Tuy nhiên, so với các lăng mộ nổi bật khác ở Huế, thạch mộ tại Tư Thông lăng vẫn chưa được khảo sát và phân tích đầy đủ trong các nghiên cứu chuyên sâu về mỹ thuật cung đình. Các công trình hiện có chủ yếu tập trung vào kiến trúc tổng thể mà ít chú trọng đến các yếu tố trang trí mang tính biểu trưng và kỹ thuật chạm khắc. Do đó, việc nghiên cứu những nét đặc sắc trong nghệ thuật trang trí tại thạch mộ này là cần thiết nhằm làm sáng tỏ giá trị thẩm mỹ - văn hóa, đồng thời đóng góp tư liệu thiết thực cho công tác giảng dạy và bảo tồn di sản.

Bài viết này tập trung phân tích những đặc điểm nổi bật của nghệ thuật chạm khắc đá tại thạch mộ Tư Thông lăng - từ đề tài, bố cục, kiểu thức đến kỹ thuật thể hiện - nhằm chỉ ra những yếu tố làm nên bản sắc riêng cho nghệ thuật trang trí tại đây. Đồng thời, bài viết hướng tới việc vận dụng các giá trị này trong

hoạt động dạy học mỹ thuật ở bậc đại học, giúp sinh viên tiếp cận và ghi chép, cách điệu hoa văn cổ một cách hiệu quả và sáng tạo hơn.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Bài viết được thực hiện dựa trên các phương pháp nghiên cứu lí thuyết, phân tích, tổng hợp các tài liệu liên quan đến kiến trúc lăng tẩm, mỹ thuật thời Nguyễn đã công bố, so sánh - đối chiếu đặc điểm trang trí tại Tư Thông lăng với các lăng mộ hoàng hậu khác thời Nguyễn để nhận diện điểm tương đồng và khác biệt, từ đó xác định tính độc đáo của thạch mộ này. Bài viết cũng sử dụng các phương pháp nghiên cứu điền dã, nhằm quan sát, điều tra thực địa, thu thập các thông tin, hình ảnh tại thạch mộ thuộc khuôn viên Tư Thông lăng - Huế. Trong các đợt khảo sát vào tháng 02/2024, tác giả đã xin được một số ý kiến các nhà nghiên cứu, các chuyên gia về di tích Huế. Dữ liệu thu thập được xử lý bằng phương pháp tổng hợp, hệ thống hóa và minh họa bằng hình ảnh thực tế, đảm bảo tính khoa học, chân xác và trực quan cho bài viết.

3. NỘI DUNG

3.1 Khái quát về Tư Thông lăng

Cố đô Huế là nơi lưu giữ nhiều công trình kiến trúc cung đình thời Nguyễn có giá trị lịch sử và nghệ thuật, bên cạnh lăng các vua còn có những lăng của các hoàng hậu, cung tần với nhiều giá trị tạo hình độc đáo, đặc sắc. Trong đó có Tư Thông lăng (còn gọi là lăng Vạn Vạn) nằm cách trung tâm thành phố Huế về phía Nam chỉ 1 km, thuộc làng An Cựu Tây hiện nay. Đây là nơi bà Dương Thị Thục, tức Tiên Cung (1868 - 1944) vợ của vua Đồng Khánh, yên nghỉ ngàn thu. Sử triều Nguyễn ghi nhận năm 1916, bà được phong là Hoàng Thái phi, năm 1924 dưới thời vua Khải Định là Hoàng Thái hậu, năm 1933 dưới thời vua Bảo Đại được tôn phong là Thái hoàng Thái hậu.

Hình 1. Vua Khải Định, Đức Tiên Cung và Thái tử Vĩnh Thụy
(Nguồn: fabook:Huế Cổ phong Lịch sử và Di sản triều Nguyễn)

Hình 2. Toàn cảnh Bửu thành và Huyền cung lăng Vạn Vạn (Tư Thông lăng) (Nguồn: Phan Phan)

Trong Từ điển Nhà Nguyễn, tác giả Võ Hương An cho biết: *" Tiên Cung là cách gọi thường dùng để chỉ sanh mẫu của vua Khải Định. Bà húy Dương Thị Thục người làng Trung Kiến, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên, con gái của Phú Lộc Quận công Dương Quang Hướng... mất ngày 18.9.1944..."*[1]. Tên gọi lăng tẩm của vua và hoàng gia đều được triều đình quy định trong điển chế với những nguyên tắc dùng thuật từ khác nhau có ý nghĩa sâu sắc về nhân sinh, vũ trụ để đặt tên lăng các vua và hoàng hậu. Nghĩa chữ chính của các chữ tên lăng vua, lăng hoàng hậu đều do triều đình đặt và luôn thể hiện mối liên hệ với tên chính của lăng vua. Vì vậy khi lăng của vua Đồng Khánh được gọi là Tư Lăng, thì lăng bà vợ thứ nhất là Nguyễn Thị Nhàn (mất vào năm 1935) được đặt tên là Tư Minh Lăng (tức lăng Thánh Cung) và lăng bà Dương Thị Thục là vợ thứ 2 có tên là Tư Thông lăng (tức là lăng Tiên Cung). Tên Vạn Vạn được gọi theo một thông lệ truyền thống dưới triều Nguyễn, xuất phát từ quan niệm rằng phần đất được chọn để xây lăng vua phải là "Vạn niên cát cục" hay "Vạn niên cát địa" và phần đất được chọn để xây lăng cho cha mẹ của vua phải là "Vạn vạn niên cát cục" hoặc "Vạn vạn niên cát địa". Từ điển nhà Nguyễn của Võ Hương An cũng khẳng định: *"Vạn niên đại cát địa. Nhóm từ này dùng chỉ khu đất mộ của mẹ vua", "Nhà Nguyễn dùng từ Vạn Niên để gọi ngôi đất được chọn làm huyệt mộ của vua hay của hoàng hậu.."*[2] và tác giả còn ghi lời dụ của vua Minh Mạng rằng: *"Các thánh đế minh vương đời xưa muốn cầu nhiều phúc đều có dự định đất tốt vạn niên để mong trời cho cơ đồ lâu dài "...lựa trước ngôi "Vạn niên đại cát địa" và ngôi "Vạn niên cát địa" cho được gần chốn khí thiêng mà để lại phúc ấm về sau"*[3]. Khi chọn được đất tốt để xây lăng của Tiên Cung, triều đình gọi cuộc đất đó là Vạn niên cát địa và vì vậy dân gian gọi tắt là lăng Vạn Vạn. Ngoài ra, do từ tên của lăng mà xóm ven sông An Cựu dẫn tới lăng này được gọi là xóm Vạn Vạn.

Nhìn chung, về quy mô của Tư Thông lăng tương đối bề thế ở không gian mở khá rộng lớn, được quy hoạch theo các nguyên tắc phong thủy phương Đông một cách chặt chẽ, thận trọng và triệt để về thế sông, núi đồi, hướng chính, phụ. Lăng thực hiện nghiêm ngặt thuyết phong thủy, với núi Ngự Bình phía sau làm hậu chẩm, trước mặt lăng có một khe nước chảy qua được dùng làm yếu tố minh đường theo nguyên lý phong thủy của lăng tẩm vua chúa xưa. Ngay hai bên hồ nước là hai trụ biểu xây bằng gạch khá đồ sộ, hình thức rất gần với trụ biểu lăng Khải Định được xây trước lăng Vạn Vạn khoảng 20 năm. Giữa hai trụ biểu và tâm trục chính của lăng là bức bình phong hình cuốn thư bề thế án ngự, đây cũng là bình phong lớn nhất không chỉ so với các bình phong của lăng mà còn lớn nhất trong các bình phong lăng những bà hoàng khác, dùng làm tiền án với trang trí đắp nổi nề

hình chim phượng ngậm sách kiếm (Phượng hàm thư kiếm) cùng các hoa văn mây sóng khác.

Hình 4. Tác giả trước hồ Lục Thủy và trụ biểu của lăng (Nguồn: Tác giả)

Ngay sau bức bình phong chính là hồ Lục Thủy (Nước xanh màu lục) hình chữ nhật, tiếp đến là 3 bậc nền cao dần cho đến Bửu thành với 2 vòng thành, vòng ngoài cao 4,5 m, vòng trong cao 3 m và là vòng bao của huyền cung. Bước vào Bửu Thành Môn-cổng duy nhất của huyền cung là tấm cửa đồng của Bửu thành. Ngay khi vào cổng sẽ gặp một bức bình phong hình cuốn thư uốn lượn che chắn trước hương án của mộ phần. Mặt trước bình phong đắp nổi chữ Thọ, mặt sau là hình tượng đôi chim phượng vờn mây sóng. Ngay trước thạch mộ là hương án hình khối chữ nhật, cao 90 cm được lắp ghép từ 3 phiến đá được chạm trổ thành dạng sập chân quỳ, với hình con dơi ở giữa trên khung trang trí của hương án. Khác với hình ảnh dơi trong Ngũ phúc (Trường thọ/Sống lâu, Phú quý/Địa vị và giàu có, Khang ninh/Mạnh khỏe, Hiếu đức/Nhân hậu, Thiện chung/Sống an lành), con dơi ở hương án mang ý nghĩa đem lại may mắn, an bình cho con cháu. Hương án đá chạm những hình trang trí mây sóng, tia lửa, dải hoa dây và kiểu thức chim phượng múa vờn mây trong vòng tròn theo kiểu thức Phượng đoàn (chim phượng trong vòng tròn mây sóng nước).

Hình 5. Hương án với hình dơi, mây cuộn và phượng vờn mây (Phượng đoàn) (Nguồn: Tác giả)

Thạch mộ nằm chính giữa Bửu thành được tạo dựng trên một nền lót đá gồm 3 bậc được xây với 4 góc đều có lan can trụ đá sa thạch với các đỉnh là hình búp sen và trang trí 8 ô hộc trái cây gồm các cặp trang trí đào, mãng cầu, xoài, lựu. Bộ mái thạch mộ khá giống với mái kiểu kiến trúc cổ truyền thống của lăng vua Gia Long và lăng Thoại Thánh (Mẹ vua Gia Long), lăng Thuận Thiên Cao hoàng hậu (Vợ vua Gia Long, mẹ vua Minh Mạng), lăng Từ Dũ (vợ vua Thiệu Trị). Trên các bờ nóc và mái là hình tượng đôi chim phượng quay đầu lại (phượng hồi) và giữa bờ nóc là hình mặt nguyệt tròn nhô từ những dải mây sóng, đan xen, nâng đỡ, bồng bềnh bao quanh. Sau cùng là bình phong (Bình phong hậu) với chất liệu nề đắp nổi lên tường trong của Bửu thành theo kiểu thức chủ đạo là Ngũ phúc với 4 con dơi bốn góc và chữ Phúc kiểu đại tự ở giữa rất phổ biến trong trang trí bình phong thời Hậu Lê trước đó và thời Nguyễn sau này.

3.2. Một số hình tượng trang trí đặc sắc ở Thạch mộ

Ngoài những ô hộc chính to lớn trang trí hình chim phượng, ở các góc của huyền cung có những ô hộc đứng được khắc chạm một cách sống động các đề tài trang trí cung đình khác, trong đó chủ đạo là các kiểu thức mai điểu (hoa mai với chim), liễu mã (cây liễu với con ngựa), tùng lộc (cây thông với con hươu), trúc tước (cây trúc con chim), địa lan và chuồn chuồn, gà và hoa mẫu đơn (Kim kê- mẫu đơn). Tất cả đều trong sự tĩnh lặng, lắng sâu tinh thần tâm linh, tính lễ và nét đẹp nghệ thuật kín đáo, trầm lặng dành cho một bà hoàng quyền quý thuộc vào bậc mẫu nghi thiên hạ. Trong đó hình tượng những con voi với cây chuối (Tiêu tượng) và đặc biệt là hình tượng chuột chui ống trúc (Trúc thử) là rất hiếm gặp trong trang trí cung đình thời Nguyễn.

3.2.1 Hình tượng chuột chui ống trúc (trúc thử)

Hình 6. Đàn voi và những cây chuối (Tiêu tượng)
Hình 7. Thạch mộ (mặt trước)
(Nguồn: Tác giả)

Thạch mộ của Tư Thông lăng làm hoàn toàn bằng đá từ nền cho đến mái và các trang trí chạm khắc đá trên mộ với mái đá kiểu Trúc cách cổ lâu (Kiểu kiến trúc nhà cổ). Trải qua thời gian, màu đá đã phai nhạt, rêu phong xám xỉn nhưng vẫn còn giữ được những nét tạo hình khối chắc khỏe, những hoa văn mềm mại

khắc sâu trên mặt đá Thanh. Ở 4 góc thạch mộ được trang trí các đề tài cây liễu và con ngựa (liễu mã), cây chuối và con voi (tiêu tượng), cây tùng và con nai (tùng lộc), cây hoa mai và con chim (mai điểu). Hoa mẫu đơn và chim trĩ, gà rừng (kim kê - mẫu đơn), con bướm, chuồn chuồn và cây lan đất (điệp lan). Nét chạm trên đá không chỉ tinh tế, mềm mại mà còn rất chọn lọc, tránh sự rườm rà và dày đặc như một số trang trí ở lăng khác.

Đặc biệt là ô hộc đứng với hình tượng những con chuột leo trèo, chui ông trúc (trúc thử) là khá hiếm không chỉ trong trang trí cung đình mà ngay cả trong trang trí dân gian ở Huế cũng ít gặp. Theo quan niệm phương Đông, con chuột là biểu tượng của thần tài chuột có thể nhả ra châu báu để thỏa mãn nguyện vọng cầu tài, chuột chỉ kêu chít chít khi lúa gạo đầy bồ, nên người xưa cho rằng tiếng chuột kêu là điềm may về cuộc sống dư giả, đầy đủ. Cây trúc được diễn tả mềm mại, uốn lên từng khúc với mắt lá được diễn tả rõ ràng, nhánh cây vươn ra từ núi đá qua từng cụm theo bố cục dọc của ô hộc tại thạch mộ. Hình tượng những chú chuột không chỉ làm vui nhộn cả bức chạm mà còn tạo ra những điểm nhấn sinh động của kiểu thức trúc thử rất hiếm trong mỹ thuật cổ Việt Nam. Mặt khác, bản năng loài chuột là giống sinh sản nhanh, sống bầy đàn nên dân gian còn coi chuột là tượng trưng cho sự sinh sôi, viên mãn, thịnh vượng, sum vầy. Cây trúc ngoài ý nghĩa biểu tượng của sự thanh cao, vững chãi khi kết hợp với hình tượng con chuột lại mở rộng ý nghĩa cho kiểu thức trúc thử, với tính ẩn dụ về sự vượt khó, cầu may mắn, giàu có, no ấm lâu dài cho con cháu. Trong văn hóa mỹ thuật phương Đông nói chung và văn hóa mỹ thuật Việt Nam, Trung Hoa nói riêng chúng ta đều có thể tìm thấy những tranh dân gian vẽ chuột cho năm con giáp (Tý) và những điển tích cát tường mà con chuột là nhân vật chính đem lại vận may, sự vui vẻ và thịnh an. Con chuột còn là biểu tượng của sự trung thực, lòng vị tha, hào phóng, cầu tài và rất giỏi ở tính thích nghi giữa vạn vật. Theo một điển tích khác, chuột còn có khả năng biết trước tai ương, lũ lụt và báo trước cho con người tránh khỏi nạn hồng thủy khủng khiếp mà sử sách thời cổ đại hay nhắc đến. Với cư dân phương Đông của nền văn minh lúa nước, con chuột là một hình ảnh bình dị, gần gũi, đầy gắn bó và đem lại sự may mắn cho cuộc sống no đủ, bình an.

3.2.2 Hình tượng chim phượng:

Theo điển tích, chim phượng là hình ảnh tượng trưng cho sắc đẹp và đức hạnh của người phụ nữ, vì vậy chim phượng trở thành linh vật giữ vị trí chủ đạo trong trang trí ở Tư Thông lăng. Trong Đại lễ phục Việt Nam thời Nguyễn, tác giả Trần Đình Sơn chú giải hầu hết đồ dùng, vật dụng dành cho các hoàng hậu, cung tần như mũ, áo, hài, khăn chít...đều có trang trí thêu hình chim phượng, như mũ hoàng hậu có đến chín chim phượng, còn cung tần : *"Mũ đính ba hình chim phượng, một kẹp tóc hình vàng...dệt chim phượng hình tròn.."*[4]. Hình tượng chim phượng xuất hiện từ lâu trong mỹ thuật cổ của người Việt nhưng rõ nhất là từ thời Tiền Lê (981-1009) với những gạch trang trí đất nung có hình chim phượng. Sang thời Lý (1009-1225) và thời Trần (1226- 1400) hình chim phụng xuất hiện nhiều hơn trong những phù điêu đất nung ở trang trí kiến trúc Hoàng Thành. Dưới thời Hậu Lê (1427-1788) chim phượng có mặt ở nhiều chất liệu, từ chạm khắc dân gian ở đình làng cho đến trang trí đồ gốm, chạm gỗ sơn son thếp vàng. Tuy nhiên, theo tác giả Trần Lâm Biền cho rằng các hóa thân của phượng, với những biến thể và kiểu thức trang trí "hóa" : *" ... là sản phẩm của giai đoạn cuối thế kỷ XIX trở về sau, thời kỳ mà uy quyền của triều đình Nguyễn bị suy sụp và tầng lớp Nho sĩ đã phần nào thất thế..."*[5]. Chim phượng được tôn làm vua của cả loài chim (Bách điểu chi vương) là do hình ảnh đã được thần thoại linh hóa, là sự đại diện cho tính nữ, vì vậy ở Tư Thông lăng trang trí chủ đạo là chim phượng. Tại thạch mộ của Tư Thông lăng, các trang trí chim phượng được diễn tả ở các bố cục lớn trước sau và hai bên tả hữu của thạch mộ. Bao gồm sự diễn tả dải hoa văn dây lụa kết hợp vân mây sóng hình nấm linh chi, xoắn với cây như ý. Sự diễn tả với những chi tiết mắt nhỏ, các lớp lông vũ đan xen, lấp ló vào nhau, sự vận động của dải mây lụa trên hình phượng tạo cho bố cục của ô hộc lớn nhỏ của thạch mộ một sự sống động, lôi cuốn. Điều này thật khác với những gì mà chúng ta tưởng tượng về lăng mộ là nơi thường u tịch, tĩnh lặng, buồn bã. Đây cũng là một quan niệm sống gửi thác về in đậm trong tư tưởng của đạo Nho và triết lý sắc sắc không không vô thường của Phật giáo, nơi đề cao sự thanh tịnh, trong không gian mây trời, vườn cảnh, rừng, suối khe nước hữu tình.

Việc lựa chọn đá để chạm hình phượng có được sức sống đòi hỏi những người thợ chạm phải có sự tìm kiếm, lựa chọn công phu về loại đá ở các mỏ đá trong nước. Vì vậy ta thấy ở lan can huyền cung là đá cát (sa thạch) của Quảng Nam, Bình Định khi trải qua thời gian sẽ bị xám thâm đen, mọc rêu còn ở thạch mộ là đá thanh (đá xanh) dù thời gian có bào mòn nhưng vẫn kháng rêu và ánh sắc trắng xanh đục của loại đá vôi tự nhiên, có độ bền cứng cao bởi đó là loại đá trầm tích cùng loại đá thanh khai thác từ Thanh Hóa trang trí ở các lăng vua và bà hoàng khác. Cùng với những ô hộc quả phật thủ, lựu, quả đào, xoài hoa lá với những khối lớn, các đôi phượng như hòa mình vào không gian hoa trái, mây lửa, với không gian trải rộng đa hướng linh thiên. Sự biểu tả khối nét và hoa văn phụ họa trang trí chim phượng dù một con hay đôi phượng vẫn rất hài hòa ở thạch mộ của Tư Thông lăng.

Những nét tinh tế và đầy tài hoa của người thợ đá thời Nguyễn thể hiện qua những nét chạm nét khắc thanh

thoát, những nét tỉa tả vừa đủ và tinh tế, thống nhất với hình tượng chính.

So với những công trình khác thời Nguyễn có trang trí hình chim phượng, tại thạch mộ của Tư Thông lăng là những bức chạm chim phượng lớn nhất, chiếm lĩnh mảng trang trí ô hộc to nhất, với sự diễn tả sự sinh động, hướng về sự linh thiêng, nổi bật trên nền đá như gợi mở về vũ trụ bao la, vô tận.

Hình 8 và 9. Hình chim phượng ngậm sách, kiếm (Phượng hàm thư kiếm) và đôi phượng vờn mây lửa, mặt nguyệt
(Song phượng chầu mặt nguyệt âm dương) (Nguồn: Tác giả)

Hình 10 và 11. Lưỡng phượng chầu mặt nguyệt và phượng hàm thư
(Nguồn: Tác giả)

3.2.3. Hình tượng voi và cây chuối (tiêu tượng)

Tại thạch mộ của Tư Thông lăng có một ô hộc trang trí hình tượng 2 con voi bên bụi chuối trên góc cuối của mộ với sự sinh động và diễn tả đầy ấn tượng, chính xác. Kiểu thức tiêu tượng đã làm cho thạch mộ vốn tưởng rất kỳ bí, lại có nét bình dị, đời thường gần gũi, mang hơi thở thiên nhiên ấm áp, tươi mát. Bố cục đề tài tiêu tượng cũng tương tự như bố cục trang trí đàn chuột với cây trúc theo hướng vận động của trục đứng tại ô hộc đá này. Nhà Nguyễn đề cao Nho giáo nhưng vẫn tôn trọng tín ngưỡng thờ Phật ở các hậu phi, cung nữ trong cung, vì vậy ngay trong Hoàng Thành, cạnh phía ngoài của Tử Cấm thành vẫn có một am nhỏ gọi là am Phước Thọ (còn gọi là gác Khương Ninh) như chùa nhỏ dành cho các hoàng hậu, cung phi cúng bái theo nghi lễ nhà Phật và cũng là nơi thờ thánh. Sự ảnh hưởng của Phật giáo trong trang trí cung đình Nguyễn rõ nhất là ở trang trí chữ Vạn, hình ảnh hồ lô (bầu Thái Cực) và những điển tích liên quan đến Phật giáo. Trong đó hình tượng tiêu tượng là một trong những ví dụ sinh động có mặt không phải là nhiều trong trang trí thời Nguyễn và càng hiếm hoi trên các bức chạm đá. Trong Sổ tay Phật giáo Tây Tạng của Robert Beer có viết: *"Hoàng hậu Maya, mẹ Đức Phật, nằm mơ thấy một con voi trắng sáu ngà đi vào bụng bà khi thụ thai."*[6]. Lý giải về sự có mặt ngày càng nhiều ảnh hưởng của Phật giáo trong mỹ thuật thời Nguyễn, tác giả Phan Cẩm Thượng cho rằng: *"... bánh xe luân hồi vẫn quay đã dựng nên tấm màn hư vô vĩnh viễn mà tinh thần duy lý Nho giáo không bao giờ cắt nghĩa được.."*[7]. Tương tự như nhiều dấu tích trang trí Phật giáo khác xuất hiện trong nghệ thuật cung đình thời Nguyễn nơi mà Nho giáo ngự trị, như chữ Vạn, trái bầu thắt (hồ lô), lá ngãi, nút thắt huyền bí vv... sự xuất hiện một số đề tài, kiểu thức trang trí từ Phật giáo ở không gian sinh hoạt, nơi lăng tẩm của các bà hoàng là điều rất dễ hiểu. Nhờ vậy đã tạo nên một sự hài hòa tam giáo rất nhuần nhuyễn, ý nhị và cũng khá lạ trong nghệ thuật trang trí thời Nguyễn.

Như vậy, hình ảnh tiêu tượng có một dấu vết nguồn ảnh hưởng từ Phật giáo và xuất hiện ở lăng một hoàng hậu thời Nguyễn là không có gì lạ. Trước đó chúng ta cũng tìm thấy đề tài này trong trang trí khảm sứ ở điện Minh Thành (lăng vua Gia Long), trang trí tại lăng Thánh Cung (Hoàng hậu thứ nhất của vua Đồng Khánh). Nhưng nói chung là chúng ít xuất hiện và không trang trí gắn bó gần ngay trên mộ phần như ở Tư Thông lăng, nơi hoàng hậu thứ 2 của vua Đồng Khánh là bà Dương Thị Thục an nghỉ.

Hình 12. Đàn voi và những cây chuối (Tiêu tượng)
Hình 13. Thạch mộ (mặt trước) (Nguồn: Tác giả)

Suy cho cùng, bố cục trang trí chủ đạo ở thạch mộ của Tư Thông lăng vẫn là bố cục theo nguyên lý ô hộc rất quen thuộc và phổ biến, rất đa dạng trong trang trí thời Nguyễn. Nghệ thuật trang trí thời Nguyễn đã tạo ra những nguyên lý bố cục đặc sắc, độc đáo, tạo ra nét Huế, dấu ấn Huế tinh tế chính là ở kiểu cách bố cục ô hộc theo dải và bao quanh thạch mộ như vậy. Ngoài những bố cục trang trí quen thuộc còn có một lối trang trí theo hình thức chia ô xen nhau với những trái cây trong các ô hộc ở lan can, các ô hộc chính trang trí tứ thời và chim phượng ở thạch mộ của Tư Thông lăng đem lại một cái nhìn khá toàn vẹn về hiệu quả trang trí này tại lăng các vua, hoàng hậu thời Nguyễn.

3.2.4. Hình tượng quả quý

Bao quanh lan can ở thạch mộ là các ô hộc diễn tả một số quả quý bao gồm mỗi thứ 2 quả: mảng cầu, Phật thủ, lựu và xoài. Tất cả đều ở dạng tả thực với nét chạm sâu, tả kỹ nhưng với kích thước lớn hơn vật thật. Mỗi thứ quả đều có đôi và có cọng, lá cành một

một cách tự nhiên. Ngay cả sự sắp xếp trước sau, trên dưới, to nhỏ, ẩn hiện của mỗi loại quả hoa lá cũng rất gần với đời sống thực của vạn vật. Lối chạm đục trên đá theo kiểu chạm thủng quen thuộc ở chạm khắc gỗ (thông phong) và có những khoảng hở, khoảng trống được tính toán phân chia kỹ lưỡng ở nhịp điệu hình thể và không gian.

Hình 14, 15, 16, 17. Các đôi quả na, quả xoài (trên) và quả lựu, quả Phật thủ (dưới) (Nguồn: Tác giả)

Nhìn chung, với những quả quen thuộc này khi chạm trên đá vẫn giữ tính tự nhiên của chúng, đặc biệt quả lựu và na gần như là sự mô phỏng từ cấu trúc đến đặc điểm nhận diện của loại quả này một cách chính xác, tự nhiên, tạo ra cảm giác bình dị, gần gũi. Na và lựu là loại quả nhiều hạt, ngoài ý nghĩa tượng trưng và ẩn dụ về sự sum vầy, đông con, nhiều cháu như ước nguyện của người xưa còn có sự kín đáo, tinh tế về mong muốn an bình, sung túc. Tác giả Nguyễn Hữu Thông cho rằng: *"Hình tượng trái lựu trong trang trí Huế thường được thể hiện với một phần trái đã bóc vỏ, để lộ từng hàng hạt lựu chi chít ở bên trong. Nó mang biểu tượng cho ước vọng con cháu đầy đàn, đông đúc nhưng trật tự (như hạt lựu trong trái), có đủ đức hạnh và sự hiếu thảo làm rạng danh gia tộc"*[8]. Riêng quả na, người Huế gọi là mãng cầu và được giải thích khá bất ngờ, thú vị *"Sở dĩ quả na mà người Huế thường gọi là mãng cầu....ngoài biểu tượng của hệ trái nhiều hạt mang tính phồn thực, âm chữ "mãng cầu" cũng giúp cho người Huế liên tưởng đến sự toại nguyện với những điều mong ước (thỏa mãn nhu cầu)"*[9]. Quả Phật thủ vì *"Toàn bộ hình dáng của trái, trông như hai bàn tay úp vào nhau và cũng chính vì vậy nó có tên là Phật thủ (bàn tay Phật)...ngoài biểu tượng nói lên sự giàu có, vinh hoa, phú quý, nó còn là hình ảnh tạo sự liên tưởng an bình, hướng thiện"*[10]. Như vậy, dù thuộc bộ đề tài Bát quả (tám quả quý) mang âm sắc cung đình sâu sắc nhưng khi diễn tả đã được dân gian hóa hài hoà, mềm mại hơn. Trong Tư Thông lăng, còn có những quả rất bình dân trong dân gian và dường như chỉ xuất hiện từ đầu thế kỷ XX như quả khế, quả chanh, cam, bí xanh...

Hình 18. Đôi quả bầu thắt tại ô hộc dưới của cổng chính (Nguồn: Tác giả)

3. 3. Những nét tương đồng và một số khác biệt giữa lăng Vạn Vạn với lăng các bà hoàng khác

Trong hệ thống lăng các bà hoàng thời Nguyễn ở Huế, ngoại trừ mộ phần của bà Thừa Thiên Cao hoàng hậu nằm chung trong một bửu thành với mộ phần vua Gia Long, lăng của các bà hoàng khác đều là lăng độc lập. Trong góc nhìn kiến trúc và trang trí so với lăng Vạn Vạn, có những nét tương đồng và khác biệt dễ nhận ra. Lăng Thoại Thánh (lăng mẹ của vua Gia Long), lăng Thừa Thiên Cao hoàng hậu (vợ vua Gia Long), lăng Hiếu Đông (vợ vua Minh Mạng), lăng Từ Dụ (vợ vua Thiệu Trị), lăng Lệ Thiên Anh (vợ vua Tự Đức), lăng Thánh Cung (vợ vua Đồng Khánh) đều có mái cổ xuôi nghiêng nhà xưa quen thuộc với kiểu "Trúc cách cổ lâu" như mái đá của lăng Vạn Vạn. Riêng mộ phần bà Từ Minh (vợ vua Dục Đức) không làm kiểu mái "Trúc cách cổ lâu" mà là nền mộ đắp cao để phẳng hình chữ nhật.

Các huyền cung lăng các bà đều có hương án đá, trong đó hương án lăng bà Thuận Thiên Cao hoàng hậu, lăng Thánh Cung và lăng Từ Dụ là kiểu hương án đá chạm hoa văn mây sóng và chim phượng rất tương đồng nhau ở kiểu thức và nét chạm, đề tài trang trí phụ họa. Các lăng bà hoàng khác là kiểu hương án bàn đá thấp, rộng với trang trí chính là hoa văn hoa dây kiểu nét thẳng kỷ hà. Trong những lăng nói trên, lăng gần nhất với phong cách trang trí lăng Vạn Vạn là lăng Thánh Cung - một bà vợ khác cùng với bà Tiên Cung (mẹ vua Khải Định). Nếu lăng Vạn Vạn gọi là Tư Thông lăng thì lăng Thánh Cung được gọi là Tư Minh lăng (nằm ở địa phận huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Thành phố Huế), cách lăng Tự Đức khoảng 1km và cách lăng Đồng Khánh khoảng 500m). Ngoài các giá trị về kiến trúc thì ở Tư Minh Lăng có những hệ thống trang trí tinh xảo bằng hai chất liệu chủ đạo là đá và nề vữa. Phía trước lăng là đôi trụ biểu uy nghi, bề thế vươn cao, tạo nên cảm giác không gian rộng lớn, tráng lệ tương tự như lăng Vạn Vạn. Sự tương đồng rõ hơn là ở trang trí huyền cung của lăng Thánh Cung, ngay sau bình phong có

thêm vòng thành thứ hai, cao 3m với lối vào thạch thất ở chính giữa là ngôi mộ bằng đá của hoàng hậu Nguyễn Hữu Thị Nhàn - Đức Thánh Cung. Ngôi mộ đá được thể hiện bằng các khối đá gọn gàng, nhỏ nhắn nhưng được gắn các ô học trang trí rất tinh xảo. Trên các trục chính diện của mặt chính là ô hộc lớn với hình tượng phượng ẩn vân, cùng với pho sách đầy đặn hơn, toàn bộ được bố cục trong một hình tròn và bao quanh bởi những hoa văn kỷ hà. Gần như mọi mặt của thạch thất được khắc chạm một cách sống động các đề tài trang trí cung đình, trong đó chủ đạo là hình tượng con phượng và các hình tượng khác như mặt trời, mây cuộn, hoa sen, chim phượng, đào tiên, mảng cầu, xoài, lựu, phật thủ.

Hình 19. Hoa văn lá lật trang trí kết hợp nét kỷ hà (chữ triện) tại góc bờ thành lăng Vạn Vạn (Nguồn: Tác giả)

Những nét tương đồng chiếm ưu thế và mang tính phổ biến hơn so với những khác biệt về đề tài trang trí như chỉ có ở lăng Vạn Vạn mới có trang trí quả khế, quả bí, bầu và sen hóa rùa. Hình thức trang trí Ngũ phúc cũng như ở lăng các bà hoàng khác là 4 con dơi ở 4 góc và giữa là chữ Thọ kiểu Đại tự để tạo nên 5 điều phúc lành cát tường (Ngũ phúc), nhưng sự khác lạ ở đây là trên nền trang trí nề đắp nổi, tại lăng Vạn Vạn còn có hoa văn chữ Vạn, một yếu tố Phật giáo in dấu ngay trên bình phong hậu của huyền cung, điều mà chỉ thấy ở các huyền cung khác trong trang trí trên cổng chính của lăng. Cũng chỉ tại lăng Vạn Vạn mới có những nút thắt huyền bí hình thoi chồng lấp trang trí ở lan can thành bao và hai bên bình phong. Những góc tường thành bao, lan can có những cụm hoa văn lá lật trang trí kết hợp nét kỷ hà cũng chỉ tìm thấy ở lăng Vạn Vạn, dù chúng chỉ chiếm số ít nhưng rất độc đáo và sinh động với những nét ảnh hưởng mỹ thuật phương Tây tinh tế. Một số lăng bà hoàng khác cũng có lan can thành bao nhưng hoàn toàn không có trang trí cách điệu nút thắt huyền bí như ở lăng Vạn Vạn.

Tuy nhiên, độc đáo là chỉ có hai lăng của các bà vợ vua Đồng Khánh là lăng Vạn Vạn và lăng Thánh Cung mới có hình tượng đàn chuột leo trèo, chui ống trúc chạm trên đá thanh. Khi triều đình có những sự cởi mở nhất định, nghệ thuật dân gian và cung đình có được sự hòa trộn đa diện hơn và những hình ảnh dân gian ngày càng xuất hiện nhiều hơn trong trang trí cung đình.

4. KẾT LUẬN

Những bức chạm khắc đá tinh xảo, công phu ở thạch mộ của Tư Thông lăng và nghệ thuật đắp nổi nề trở thành một trong những cái riêng của nghệ thuật trang trí kiến trúc lăng tẩm ở Huế thế kỷ XIX. Các hình thức trang trí chạm khắc đá và nề đắp nổi được nghệ nhân thể hiện dưới dạng tả thực hoặc cách điệu cao với các hình tượng và các đường nét tối giản, cô đọng, rất khác với phong cách rườm rà, nặng nề hoa mỹ cùng thời vào nữa đầu thế kỷ XX. Bên cạnh trang trí nề đắp, nề họa cũng rất sinh động ở Tư Thông lăng, các trang trí chim phượng kiểu đan lớp, hình tượng chuột chui ống trúc và voi chuối... tạo cho lăng một luồng sinh khí của sự sống như vẫn tiếp diễn sinh động với những liên tưởng vũ trụ, nhân sinh mang màu sắc triết lý sâu sắc. Đó cũng là những giá trị của nghệ thuật trang trí được khẳng định qua bàn tay tài hoa của bao người nghệ nhân thời Nguyễn, họ góp phần khẳng định sự phát triển rực rỡ, nổi bật của mỹ thuật thời Nguyễn vào giai đoạn thoái trào. Chính vì vậy, nghiên cứu, làm rõ, phân tích được các giá trị nghệ thuật trang trí ở thạch mộ của Tư Thông lăng giúp cho việc ứng dụng trong dạy học, hướng dẫn sinh viên mỹ thuật ghi chép cách điệu hoa văn vốn cổ có nhiều hiệu quả tốt hơn, gợi mở cho mỗi người học tìm thấy trong đó những giá trị nghệ thuật mới, những nét tạo hình trang trí sinh động, giàu dung lượng thẩm mỹ đối với học tập, sáng tác của mình.

CHÚ THÍCH

[1]Võ Hương An (2012), Từ điển nhà Nguyễn, Nxb Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, tr 706
[2]Võ Hương An (2012), Sđd, tr 912
[3]Võ Hương An (2012), Sđd, tr 912
[4]Trần Đình Sơn (2008), Đại lễ phục Việt Nam thời Nguyễn, Nxb Hồng Đức, Hà Nội, tr 29
[5]Trần Lâm Biền (1979), "Huế, Mỹ thuật Nguyễn, những cái riêng", T/c Nghiên cứu Văn hoá Nghệ thuật, số 3, tháng 5, 6, tr 24
[6]Robert Beer (2024), Sổ tay Phật giáo Tây Tạng, Nxb Thế Giới, Hà Nội, tr 87
[7]Phan Cẩm Thượng(1988), "Kinh thành Huế", T/c Mỹ thuật, số 2, tr 17
[8]Nguyễn Hữu Thông (2001), Mỹ thuật Huế nhìn từ góc độ ý nghĩa và biểu tượng trang trí, Nxb Thuận Hóa, Huế, trang 75
[9]Nguyễn Hữu Thông (2001), Sđd, trang 76
[10]Nguyễn Hữu Thông (2001), Sđd, trang 78

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Võ Hương An. (2012). *Từ điển nhà Nguyễn,* **Nxb Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh**
Trần Lâm Biền. (1979). *"Huế, Mỹ thuật Nguyễn, những cái riêng",* **Tạp chí Nghiên cứu Văn hoá Nghệ thuật, số 3**
Robert Beer. (2024). *Sổ tay Phật giáo Tây Tạng, Hà Nội:* **Nxb Thế Giới.**
Phan Cẩm Thượng. (1988). *"Kinh thành Huế",* **Tạp chí Mỹ thuật, số 2**